

**Bản án số: 17/2021/DS-ST**

**Ngày: 05/7/2021**

V/v "Tranh chấp thừa kế"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Quý Sửu

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Khắc Thái Sơn

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Hoàng Yến, Thư ký TAND thành phố Thái Nguyên

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Diệu Ngọc, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/6/2021 và 05/7/2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 168/2020/TLST-DS ngày 26/11/2021 về việc kiện "Tranh chấp thừa kế", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXX-ST ngày 15/6/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* 1. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1997

Địa chỉ: Xóm H, xã V, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

2. Chị Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh năm 2002

Địa chỉ: Xóm Đ, xã S, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

*Đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1980

Địa chỉ: Xóm Đ, xã S, thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Xóm Đ, xã S, thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1980

Địa chỉ: Xóm Đ, xã S, thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên.

2. Cháu Nguyễn Hoài V, sinh năm 2015

Đại diện: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Xóm Đ, xã S, thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Th, chị Quỳnh A và bà L:*  
Luật sư Phạm Quốc Chính, Văn phòng luật sư Đức Vinh, Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Quỳnh A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:

Ông Nguyễn Văn T sinh năm 1976, có bố đẻ là Nguyễn Văn Qu, chết năm 2003, mẹ đẻ là Nguyễn Thị Ch, chết năm 2002. Năm 1996 ông T kết hôn với bà L sinh được 02 con là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh năm 2002. Năm 2013 ông T ly hôn với bà L, tài sản chung vợ chồng chưa giải quyết.

Thời điểm năm 2013 khi ly hôn, tài sản chung vợ chồng có nhà cấp 4 xây lợp ngói 4 gian, bếp và công trình phụ trên thửa đất 36, tờ bản đồ số 58, diện tích 324m<sup>2</sup>. Ngoài ra ông T, bà L còn sử dụng thửa đất số 60 tờ bản đồ 58, diện tích 1247m<sup>2</sup>, thửa 35, tờ bản đồ 58, diện tích 724m<sup>2</sup>, thửa 55, tờ bản đồ 58, diện tích 18m<sup>2</sup>, thửa 128, tờ bản đồ 59, diện tích 697m<sup>2</sup>. Nguồn gốc các thửa đất ở, trồng cây lâu năm, đất trồng lúa nêu trên do ông T được nhận thừa kế riêng của bố mẹ đẻ là ông Qu, bà Ch, năm 2012 ông T được UBND huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn T.

Năm 2014, ông T kết hôn với bà Nguyễn Thị H, có 01 con là Nguyễn Hoài Vi, sinh năm 2015. Năm 2018 ông T chết không để lại di chúc. Chị Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Quỳnh A, đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị L đề nghị được chia thừa kế di sản của bố đẻ là ông Nguyễn Văn T bằng hiện vật theo quy định pháp luật. Di sản của ông Nguyễn Văn T đề nghị chia gồm: thửa đất số 36, tờ bản đồ số 58, diện tích 324m<sup>2</sup>, là đất ở tại nông thôn; thửa đất số 60 tờ bản đồ 58, diện tích 1247m<sup>2</sup>, là đất trồng cây lâu năm; thửa 35, tờ bản đồ 58, diện tích 724m<sup>2</sup>, là đất trồng cây lâu năm; thửa 55, tờ bản đồ 58, diện tích 18m<sup>2</sup> và thửa 128, tờ bản đồ 59, diện tích 697m<sup>2</sup>, là đất trồng lúa nước. Trường hợp chia quyền sử dụng đất mà trên đất có tài sản thuộc cả hai phần đất được chia cho chị Th và chị Quỳnh A, thì nhất trí tháo dỡ tài sản trên đất.

Bà Nguyễn Thị L xác định trong thời gian chung sống với ông Nguyễn Văn T từ năm 1996 đến năm 2013 ly hôn, ông bà sống chung nhà với bố mẹ chồng. Ngôi nhà ông bà sử dụng đã cũ nát, năm 2020 bà H đã phá dỡ đi để xây dựng nhà khác. Ông T bà L có sửa chữa, xây bếp, cổng, tường rào. Bà L không yêu cầu được tính chia công sức đóng góp là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với ông T. Toàn bộ tài sản công sức đóng góp là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Tòa án xác định là di sản thừa kế của ông T để chia cho những người thừa kế theo quy định, bà không có ý kiến và đề nghị gì.

Về hiện trạng tài sản: Theo sơ đồ trích đo hiện trạng thì thửa đất số 60, tờ bản đồ số 58, diện tích 1.247 m<sup>2</sup> được cấp trùm lên một đoạn mương thủy lợi của hợp tác xã, diện tích đoạn mương nằm trong thửa đất số 60 là 19,6m<sup>2</sup>. Bà L, chị Quỳnh A, chị Th thống nhất trừ diện tích đoạn mương không tính vào di sản thừa kế, đề nghị Tòa án chia diện tích đất còn lại.

***Ý kiến của của bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:***

Bà Nguyễn Thị H kết hôn với ông Nguyễn Văn T năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương (nay là thành phố Thái Nguyên), vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoài V, sinh năm 2015. Sau khi kết hôn bà H về chung sống cùng nhà cùng ông T tại thửa 36, tờ bản đồ 59, diện tích 324m<sup>2</sup>, trên đất có 01 nhà cấp 4, tường xây gạch, mái lợp ngói 4 gian, bếp giêng, chuồng lợn, thuộc xóm Đ, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên. Năm 2020 do ngôi nhà cũ nát, bà H đã phá ngôi nhà cũ để xây nhà ống lợp tôn như hiện nay.

Trước khi ông T chết, vợ chồng có xây được khoảng 200m<sup>2</sup> chuồng gà, tiền xây dựng do vay mượn khoảng 200.000.000đ, trong đó vay của chị gái cả là Nguyễn Thị H 75.000.000 đ, cháu ruột Hoàng Thị Như Q, ở xóm Đ, Sơn Cẩm 75.000.000 đồng, ông T được đền bù ruộng khoảng hơn 100.000.000 đồng. Các khoản vay trên đều vay bằng miệng, không có giấy tờ gì để chứng minh, nên chị không có ý kiến đề nghị gì.

Ngoài ra, ông T còn có các thửa đất được thừa kế riêng, gồm: thửa 60 diện tích 1247m<sup>2</sup>, thửa 35 diện tích 724m<sup>2</sup>, thửa 55, diện tích 18m<sup>2</sup>, thửa 128, diện tích 697m<sup>2</sup>, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều mang tên Nguyễn Văn T, hiện nay bà H đang quản lý sử dụng, ngoài các tài sản trên ông T không còn tài sản nào khác.

Trước khi chết ông T không còn nợ riêng ai, chi phí mai táng cho ông Th hết khoảng 30.000.000đ, được dùng từ số tiền phúng viếng là vừa đủ, không ai phải bỏ tiền ra để chi phí.

Nay chị Th, Quỳnh A là con đẻ của ông T yêu cầu chia di sản thừa kế gồm đất ở, đất trồng cây lâu năm, đất ruộng, bà H nhất trí chia cho chị Th, chị Quỳnh A ½ chiều dài mặt đường bê tông thửa đất số 60, tiếp giáp với tường nhà ông do bà xây năm 2020, kéo thẳng vào đến mép chuồng gà, còn lại không nhất trí chia. Bà H đề nghị được hưởng thừa kế của ông T và con chung của bà với ông T là Nguyễn Hoài V theo quy định của pháp luật.

Về hiện trạng đất đoạn mương nằm trong thửa đất số 60 là 19,6 m<sup>2</sup> nhất trí trừ đi không tính vào di sản thừa kế.

Tại phiên tòa đại diện VKSND thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến xác định, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và của người tham gia tố tụng đúng quy định của pháp luật. Về thẩm quyền, thời hạn giải quyết đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia thừa kế là di sản của ông Nguyễn Văn T cho các hàng thừa kế bằng hiện vật theo pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp thừa kế, theo quy định tại khoản 5 Điều 26, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên theo Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và lời thừa nhận của các bên đương sự, xác định: Ông Nguyễn Văn T kết hôn với bà Nguyễn Thị L năm 1996, có 02 con chung là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh năm 2002. Năm 2013 ông T ly hôn với bà L, năm 2014 ông T kết hôn với bà Nguyễn Thị H, có đăng ký kết hôn, sinh được 01 con chung là Nguyễn Hoài V, sinh năm 2015. Bố mẹ đẻ của ông T là cụ Nguyễn Văn Q, chết năm 2003 và cụ Nguyễn Thị Ch, chết năm 2002. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông T gồm bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị Quỳnh A và cháu Nguyễn Hoài V là vợ hợp pháp và các con đẻ của ông Nguyễn Văn T.

[3] Về di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T:

Các bên đương sự đều xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T, gồm có: thửa đất số 36, tờ bản đồ số 58, diện tích 324m<sup>2</sup>, là đất ở tại nông thôn; thửa đất số 60 tờ bản đồ 58, diện tích 1247m<sup>2</sup>, là đất trồng cây lâu năm; thửa 35, tờ bản đồ 58, diện tích 724m<sup>2</sup>, là đất trồng cây lâu năm; thửa 55, tờ bản đồ 58, diện tích 18m<sup>2</sup>, là đất trồng cây hàng năm khác; thửa 128, tờ bản đồ 59, diện tích 697m<sup>2</sup>, là đất trồng lúa nước.

Căn cứ vào kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản ngày 23/3/2021 xác định:

- Giá trị đất ở 324 m<sup>2</sup> x 1.000.000 đồng/ 01 m<sup>2</sup> = 324.000.000 đồng;
- Đất trồng cây lâu năm: 1971 m<sup>2</sup> – 19,6 m<sup>2</sup> x 84.000 đồng/ 01 m<sup>2</sup> = 163.917.600 đồng;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 18 m<sup>2</sup> x 90.000 đồng/ 01 m<sup>2</sup> = 1.620.000 đồng;
- Đất trồng lúa nước: 697 m<sup>2</sup> x 90.000 đồng/ 01 m<sup>2</sup> = 62.730.000 đồng.

Tổng giá trị quyền sử dụng đất là di sản thừa kế của ông Nguyễn văn T là : 552.267.600 đồng.

Phần di sản thừa kế của ông T trong khối tài sản chung với bà H gồm: chuồng trại nuôi gà, chuồng lợn do ông T và bà H xây dựng năm 2017, vườn cây Keo trên thửa đất số 35 do ông T, bà H trồng năm 2015.

Căn cứ vào kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản ngày 23/3/2021 xác định:

- 01 Chuồng trại nuôi gà diện tích 275 m<sup>2</sup> = 105.419.030 đồng;
- 01 chuồng lợn xây dựng năm 2017, diện tích 37,5 m<sup>2</sup> = 44.055.000 đồng;
- 70 cây keo đường kính trung bình 15 cm = 3.465.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung của ông T với bà H là 152.939.030 đồng. Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T trong phần tài sản chung vợ chồng với bà Nguyễn Thị H ½ giá trị là 76.469.515 đồng.

Phần di sản thừa kế của ông T trong khối tài sản chung với bà L gồm: bếp xây, giếng nước, tường rào, công xây do ông T và bà L xây dựng trị giá: 31.261.102 đồng. Phần tài sản này bà L không đề nghị chia, nên tính vào di sản thừa kế của ông T.

[4] Về giá trị mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng:

Tổng giá trị di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T là 659.998.217 đồng. Tính phần công sức bảo quản, tôn tạo di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị H trong thời gian chung sống với ông T từ năm 2014 đến năm 2021 là 59.998.217 đồng. Di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T còn lại 600.000.000 đồng chia cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 04 người, mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng giá trị là 150.000.0000 đồng.

Phần di sản bà Nguyễn Thị H, cháu Nguyễn Hoài V được hưởng, phần tài sản riêng của bà H trong khối tài sản chung của bà H với ông T và phần công sức đóng góp duy trì di sản là: 150.000.000 đồng + 150.000.000 đồng + 76.469.515 + 59.998.217 đồng = 436.467.732 đồng.

[5] Về hiện trạng diện tích đất là di sản:

Căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất, tài sản xây dựng trên đất và vị trí, kích thước từng phần đất các đương sự thực tế sử dụng, Hội đồng xét xử xem xét chia di sản thừa kế theo hiện vật, phù hợp với hiện trạng và quá trình sử dụng đất của các đương sự. Do đó, chia cho bà Nguyễn Thị H và cháu Nguyễn Hoài V phần diện tích đất ở và đất trồng cây lâu năm trên đất có nhà ở và công trình xây dựng do bà Nguyễn Thị H xây dựng năm 2020, chuồng gà do bà H ông T xây dựng năm 2017 để ổn định cuộc sống và thửa đất trồng lúa nước, đất trồng cây hàng năm khác. Chia cho chị Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Quỳnh A sử dụng phần đất ở và đất trồng cây lâu năm trên có nhà bếp, giếng nước do ông T, bà L xây dựng và thửa đất trồng cây lâu năm số 35, diện tích 724 m<sup>2</sup> liền kề là phù hợp.

[6] Cụ thể giao cho các thừa kế được hưởng thừa kế bằng hiện vật như sau:

6.1. Bà Nguyễn Thị H, cháu Nguyễn Hoài V được sở hữu, sử dụng:

- Đất trồng cây lâu năm thửa số 60, tờ bản đồ số 58: 757,4 m<sup>2</sup> x 84.000 đồng/ 01 m<sup>2</sup> = 63.621.600 đồng;

- Đất ONT thửa số 36 tờ bản đồ số 58: 160 m<sup>2</sup> x 1.000.000 đồng/ 01 m<sup>2</sup> = 160.000.000 đồng;

- Giá trị chuồng gà: 105.419.030 đồng;

- Tường rào, cổng xây: 11.343.602 đồng.

- Đất trồng lúa nước thửa 128, tờ bản đồ số 59, diện tích 697 m<sup>2</sup> x 90.000 đồng/ 01 m<sup>2</sup> = 62.730.000 đồng;

- Đất trồng cây hàng năm khác thửa 55, tờ bản đồ số 58, diện tích 18 m<sup>2</sup> x 90.000 đồng/ 01 m<sup>2</sup> = 1.620.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bà Nguyễn Thị H và cháu Nguyễn Hoài V được giao là: 404.734.232 đồng, so với tổng giá trị di sản của bà H, cháu Vi được hưởng, phần tài sản riêng của bà H trong khối tài sản chung với ông T và phần công sức đóng góp duy trì di sản là 436.467.732 đồng, bà H còn thiếu 31.733.500 đồng.

6.2. Chị Nguyễn Thị Th được sở hữu sử dụng:

- Đất trồng cây lâu năm thửa số 60, tờ bản đồ số 58: 225,1 m<sup>2</sup> x 84.000 đồng/ 01 m<sup>2</sup> = 18.908.400 đồng;

- Đất ONT thửa số 36 tờ bản đồ số 58: 60,8 m<sup>2</sup> x 1.000.000 đồng/ 01 m<sup>2</sup>= 60.800.000 đồng;

- Đất trồng cây lâu năm thửa số 35, tờ bản đồ số 58: 362 m<sup>2</sup> x 84.000 đồng/ 01 m<sup>2</sup> = 30.408.000 đồng;

- ½ Giá trị cây Keo trên phần đất thửa số 35, tờ bản đồ 58 là: 1.732.500 đồng

Tổng giá trị tài sản giao chị Nguyễn Thị Th sử dụng là: 111.848.900 đồng.

6.3. Chị Nguyễn Thị Quỳnh A được sở hữu, sử dụng:

- Đất trồng cây lâu năm thửa số 60, tờ bản đồ số 58: 244,8 m<sup>2</sup> x 84.000 đồng/ 01 m<sup>2</sup> = 20.563.200 đồng;

- Đất ONT thửa số 36 tờ bản đồ số 58: 103,2 m<sup>2</sup> x 1.000.000 đồng/ 01 m<sup>2</sup>= 103.200.000 đồng;

- Đất trồng cây lâu năm thửa số 35, tờ bản đồ số 58: 362 m<sup>2</sup> x 84.000 đồng/ 01 m<sup>2</sup> = 30.408.000 đồng;

- Chuồng lợn xây dựng năm 2016, diện tích 37,5 m<sup>2</sup>: 44.055.000 đồng;

- 01 giếng đào trị giá: 3.388.000 đồng

- ½ Giá trị cây Keo trên phần đất thửa số 35, tờ bản đồ 58 là: 1.732.500 đồng.

Tổng giá trị tài sản giao chị Nguyễn Thị Quỳnh A sử dụng: 203.346.700 đồng.

Nhà bếp xây nằm trên cả hai phần đất giao cho chị Th, chị Quỳnh A sử dụng, chị Th và chị Quỳnh A nhất trí tháo dỡ để sử dụng đất đúng ranh giới được chia, không tính vào giá trị di sản được hưởng.

Chị Quỳnh A có trách nhiệm trích chia chênh lệch giá trị di sản được hưởng cho bà Nguyễn Thị H 31.733.500 đồng, trích chia cho chị Nguyễn Thị Th 21.613.200 đồng.

[7] Về án phí: những người được hưởng di sản thừa kế phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch, tương ứng với giá trị tài sản được chia.

[8] Về chi phí tố tụng: những người được hưởng di sản thừa kế phải chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản trả cho bà Nguyễn Thị L là người nộp tạm ứng chi phí tố tụng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Áp dụng:** Khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 650, Điều 651, Điều 658 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí; Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

*T xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị Quỳnh A, đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị L về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Nguyễn Văn T.

2. Bà Nguyễn Thị H và cháu Nguyễn Hoài V được sở hữu, sử dụng các tài sản sau:

2.1. Đất trồng lúa nước thửa 128, tờ bản đồ số 59, diện tích 697 m<sup>2</sup>; Đất trồng cây hàng năm khác thửa 55, tờ bản đồ số 58, diện tích 18 m<sup>2</sup>, thuộc xóm Đ, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên.

2.2. Đất trồng cây lâu năm thửa số 60, tờ bản đồ số 58, diện tích 757,4 m<sup>2</sup>; Đất ONT thửa số 36 tờ bản đồ số 58, diện tích 160 m<sup>2</sup>, thuộc xóm Đ, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên. Sơ đồ chi tiết kèm theo, cụ thể là các điểm: (1, 2, 3, G, B, A, D, E, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 1); Phần đất trồng cây lâu năm ngoài nương thủy lợi là các điểm: (23, 24, 29, 30, 23)

2.3. Tài sản trên đất gồm: Chuồng gà khung sắt, mái lợp Proximang; tường rào xây xung quanh và phần nhà cấp 4, sân gạch, tường xây, mái tôn đua sân là tài sản riêng do bà H xây dựng năm 2020.

Tổng giá trị di sản thừa kế bà Nguyễn Thị H, cháu Nguyễn Hoài V được hưởng, công sức bà H duy trì tôn tạo di sản và phần tài sản của bà H trong khối tài sản chung vợ chồng với ông T giao cho bà H, cháu Vi sử dụng nêu trên là: 404.734.232 đồng.

*3. Chị Nguyễn Thị Th được sở hữu, sử dụng các tài sản sau:*

3.1. Đất trồng cây lâu năm thửa số 60, tờ bản đồ số 58, diện tích 225,1 m<sup>2</sup>; Đất ONT thửa số 36 tờ bản đồ số 58, diện tích 60,8 m<sup>2</sup>. Sơ đồ chi tiết kèm theo, cụ thể là các điểm: (A, B, C, F, E, D, A); Phần đất trồng cây lâu năm ngoài nương thủy lợi là các điểm: (23, 24, 25, 26, 23)

3.2. Đất trồng cây lâu năm thửa số 35, tờ bản đồ số 58, diện tích 362 m<sup>2</sup>, thuộc xóm Đông Xe, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên. Sơ đồ chi tiết kèm theo, cụ thể là các điểm: (H, I, 20, 21, 22, H)

3.3. Giá trị cây Keo trên phần đất thửa số 35, tờ bản đồ 58 là: 1.732.500 đồng  
Tổng giá trị tài sản giao chị Nguyễn Thị Th sử dụng là: 111.848.900 đồng.

*4. Chị Nguyễn Thị Quỳnh A được sở hữu, sử dụng:*

4.1. Đất trồng cây lâu năm thửa số 60, tờ bản đồ số 58, diện tích 244,8 m<sup>2</sup>; Đất ONT thửa số 36 tờ bản đồ số 58, diện tích 103,2 m<sup>2</sup>. Sơ đồ chi tiết kèm theo, cụ thể là các điểm: (G, B, C, F, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, H, 22, G) ; Phần đất trồng cây lâu năm ngoài nương thủy lợi là các điểm: (26, 25, 27, 28, 26).

4.2. Đất trồng cây lâu năm thửa số 35, tờ bản đồ số 58, diện tích 362 m<sup>2</sup>, thuộc xóm Đông Xe, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên. Sơ đồ chi tiết kèm theo, cụ thể là các điểm: (H, I, 19, 18, 15, 16, 17, H).

4.3. Tài sản trên đất: Chuồng lợn xây dựng năm 2016; 01 giếng đào; Giá trị cây Keo trên phần đất thửa số 35, tờ bản đồ số 58.

Phần Nhà bếp xây nằm trên cả hai phần đất giao cho chị Th, chị Quỳnh A sử dụng, chị Th và chị Quỳnh A có trách nhiệm tháo dỡ để sử dụng đất đúng ranh giới được chia, không tính vào giá trị di sản được hưởng.

4.4. Tổng giá trị tài sản giao chị Nguyễn Thị Quỳnh A sử dụng: 203.346.700 đồng. Chị Quỳnh A có trách nhiệm trích chia chênh lệch giá trị di sản được hưởng cho bà Nguyễn Thị H 31.733.500 đồng, trích chia cho chị Nguyễn Thị Th 21.613.200 đồng.

5. Về án phí:

5.1. Bà Nguyễn Thị H phải chịu 21.823.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

5.2. Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 6.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào 2.200.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0003820 ngày 26/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, còn phải nộp 4.400.000 đồng.

5.3. Chị Nguyễn Thị Quỳnh A phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào 2.200.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0003821 ngày 26/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, còn phải nộp 5.300.000 đồng.

6. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 5.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị Quỳnh A mỗi người phải chịu 2.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản trả cho bà Nguyễn Thị L.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành số tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền chậm trả. Trường hợp không thỏa thuận được về lãi suất chậm trả thì được xác định theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

6. Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án;

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Quý Sửu**

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ  
THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Quý Sửu**